

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP ĐANG QUẢN LÝ RỪNG SẢN XUẤT LÀ RỪNG TỰ NHIÊN THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Nguyễn Văn Hợp¹, Vũ Ngọc Chuẩn²

¹*TS. Trường Đại học Lâm nghiệp*

²*ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp*

TÓM TẮT

Khi bước vào sắp xếp, đổi mới các lâm trường quốc doanh theo Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh trên toàn quốc, có 170 công ty lâm nghiệp được trải rộng chủ yếu trên 5 vùng sinh thái. Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để cải thiện hiệu quả hoạt động cho các công ty lâm nghiệp, mới nhất là quyết định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014. Tuy nhiên, các cơ chế, chính sách này còn nhiều bất cập và vướng mắc đặc biệt là đối với các công ty lâm nghiệp được giao giữ rừng tự nhiên. Do vậy, để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ổn định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công ty lâm nghiệp thì những bất cập, vướng mắc về cơ chế, chính sách nói trên cần được sửa đổi, bổ sung điều chỉnh kịp thời, đồng bộ./.

Từ khóa: *Chính sách, công ty lâm nghiệp, cơ chế, rừng sản xuất tự nhiên.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi bước vào sắp xếp, đổi mới các lâm trường quốc doanh theo Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh trên toàn quốc, có 170 công ty lâm nghiệp được trải rộng chủ yếu trên 5 vùng sinh thái. Trong quá trình hoạt động, nhiều công ty đã tiến hành chuyển đổi, sát nhập và giải thể, đến năm 2014 hiện còn 139 công ty. Nhà nước đã ban hành các cơ chế, chính sách để cải thiện, thay đổi tình hình, đặc biệt là nghị số 118/2014/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2014 được kỳ vọng. Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì đến nay phần lớn các công ty lâm nghiệp do nhà nước mới chỉ qua các lần đổi tên; các yếu tố cơ bản của sản xuất, kinh doanh là đất đai, rừng các loại, vốn và lao động đều chưa được xác lập lại phù hợp với mô hình chuyển đổi. Trong các công ty lâm nghiệp nhà nước hiện nay thì các công ty đang quản lý rừng sản xuất tự nhiên, chủ yếu là rừng tự nhiên nghèo kiệt đang gặp khó khăn nhất, có thể nói là bế tắc lối ra.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thực hiện thông qua nguồn tài liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo có liên quan của Tổng cục Lâm nghiệp, các doanh nghiệp lâm nghiệp. Nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua các đợt khảo sát thực tế tại một số công ty lâm nghiệp thuộc các tỉnh Sơn La, Quảng Bình, Gia Lai, Kon-Tum bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp ban lãnh đạo các công ty trong thời gian từ năm 2012 - 2014.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý các công ty lâm nghiệp

Theo Quyết định số 3322/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2013 thì tổng diện tích rừng toàn quốc đến 31/12/2013 là 13.954.445ha/33.121.159ha tổng diện tích tự nhiên (chiếm 40,42% tổng diện tích tự nhiên), trong đó diện tích rừng tự nhiên là 10.398.160 ha chiếm sấp xỉ 70% tổng diện tích rừng toàn quốc.

Đối với công ty lâm nghiệp nhà nước: Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Lâm nghiệp vào thời điểm tháng 8/2011 được phân bố như sau:

Theo diện tích:

- Các công ty lâm nghiệp nhà nước đang được giao quản lý 1.077.743ha rừng tự nhiên sản xuất/4.097.041ha rừng tự nhiên sản xuất (chiếm 26%); rừng tự nhiên là rừng phòng hộ 278.562ha/4.231.931ha rừng tự nhiên là rừng phòng hộ (chiếm 6,58%) và rừng tự nhiên là rừng đặc dụng 9.077ha/1.922.465ha rừng tự nhiên là rừng đặc dụng (chiếm 0,5%). Diện tích rừng có phương án điều chế khai thác giai đoạn 2011 - 2015 là 54.819ha/1.077.743ha, chiếm 5,1%.

- Theo số liệu hiện trạng rừng toàn quốc

năm 2010 thì tại biểu diện tích rừng toàn quốc theo loại chủ quản lý thì rừng tự nhiên không được phân theo 3 loại rừng. Đây là khó khăn để xác định ngoài công ty lâm nghiệp đang quản lý diện tích rừng sản xuất tự nhiên nêu trên thì diện tích rừng sản xuất tự nhiên còn lại đang thuộc đối tượng nào quản lý. Qua khảo sát thấy rằng số diện tích không nhỏ là thuộc UBND xã (chưa giao), loại này hầu hết là rừng nghèo kiệt (Yên Bái), ngoài ra còn có cộng đồng thôn, bản (trạng thái rừng còn giữ được) và số ít giao cho hộ gia đình cá nhân (loại này thường không còn rừng) (Sơn La).

Bảng 3.1. Đặc điểm các công ty lâm nghiệp

TT	Chỉ số cơ bản	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra		
				Công ty thuộc tỉnh, TP trực thuộc TW	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam	Tổng Công ty Giấy Việt Nam
1	Doanh nghiệp hạch toán độc lập	Cty	151	141	8	2
2	Doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc	Cty	19			19
3	Diện tích đất được giao, thuê	Ha	2.413.966	2.240.345	92.171	81.450
a	Đất rừng sản xuất	Ha	1.693.882	1.886.402	80.205	68.607
b	Đất rừng phòng hộ	Ha	340.043	345.945	11.966	10.466
c	Đất rừng đặc dụng	Ha	57.974	7.998	-	2.377
4	Diện tích rừng	Ha	1.757.396	1.636.326	61.760	59.310
a	Rừng sản xuất	Ha	1.434.672	1.335.523	52.437	46.712
	- Tự nhiên	Ha	1.077.743	1.057.806	16.964	2.973
	- Trồng	Ha	356.929	277.717	35.473	43.739
b	Rừng phòng hộ	Ha	312.349	292.805	9.323	10.221
	- Tự nhiên	Ha	278.562	263.794	5.636	9.132
	- Trồng	Ha	33.787	29.011	3.687	1.089
c	Rừng đặc dụng	Ha	10.375	7.998	-	2.377
	-Tự nhiên	Ha	9.077	6.711	-	2.366
	- Trồng	Ha	1.298	1.287	-	11
5	Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên					
a	Tổng diện tích có Phương án điều chế	Ha	563.897	563.897	-	-
b	Sản lượng khai thác b/q năm theo PA	M ³	236.657	236.657	-	-
c	Kết quả khai thác gỗ 2010	M ³	175.483	175.483	-	-
6	Kết quả khai thác gỗ rừng trồng năm 2010	M ³	1.454.935	974.499	285.996	194.440
7	Vốn sản xuất, kinh doanh	Triệu VNĐ	3.375.386.782	2.072.659.667	360.705.000.000	942.022.114.698
8	Lao động	Người	17.133	13.774	1.309	2.050

Nguồn: Tổng cục Lâm nghiệp

Theo vùng sinh thái

- Tây Bắc: Trên địa bàn 4 tỉnh chỉ có 5 công ty thuộc Sơn La quản lý 3.678ha rừng tự nhiên sản xuất/1.429.235ha rừng tự nhiên các loại toàn vùng (bình quân 735ha/Cty), trong đó diện tích đưa vào điều chế khai thác là 659ha (chiếm 18% diện tích rừng tự nhiên sản xuất được giao); sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng chưa có. Qua số liệu thấy rằng vai trò của công ty lâm nghiệp đối với rừng tự nhiên sản xuất trong vùng là rất nhỏ, nguồn thu từ khai thác gỗ không đáng kể, nguồn thu từ rừng trồng không có, thực tế khảo sát tại Sơn La đã chứng minh điều đó.

- Đông Bắc: Có 13 tỉnh thuộc địa bàn, trên địa bàn có 28 công ty lâm nghiệp, rừng sản xuất tự nhiên giao cho các công ty là 64.149ha (bình quân 2.291ha/Cty), trong đó diện tích đưa vào điều chế khai thác là 1.046ha (chiếm 1,63% diện tích rừng tự nhiên sản xuất được giao); sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng năm 2010: 264.693ha (bình quân 9.453m³/cty). Qua số liệu thấy rằng khu vực này, các công ty lâm nghiệp đang được giao quản lý diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên khá lớn, nhưng diện tích được khai thác gỗ rất nhỏ, chỉ tập trung ở 2 tỉnh là Lào Cai và Bắc Kạn. Công ty có sản lượng khai thác gỗ rừng tự nhiên; những công ty có sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng đang ổn định và phát triển, một số công ty đã điều hòa nguồn thu từ khai thác rừng trồng để chi cho việc quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên được giao.

- Vùng Bắc Trung Bộ: Có 6 tỉnh trong vùng, trên địa bàn có 21 công ty lâm nghiệp, rừng sản xuất tự nhiên giao cho các công ty là 164.788ha (bình quân 7.847ha/Cty), Công ty Lâm nghiệp Long Đại quản lý diện tích rừng tự nhiên sản xuất lớn nhất cả nước: 61.473 ha và 10.328ha rừng tự nhiên phòng hộ, trong đó diện tích đưa vào điều chế khai thác là 15.698ha (chiếm 9,5% diện tích rừng tự nhiên

sản xuất được giao); sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng năm 2010: 223.882m³ (bình quân 10.661m³/cty). Qua số liệu thấy rằng khu vực này, các công ty lâm nghiệp đang được giao quản lý diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên lớn, nhưng diện tích được khai thác gỗ theo phương án điều chế nhỏ. Công ty có sản lượng khai thác gỗ rừng tự nhiên; những công ty có sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng đang ổn định và phát triển, một số công ty đã điều hòa nguồn thu từ khai thác rừng trồng để chi cho việc quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên được giao.

- Vùng Duyên Hải Trung Bộ: Có 8 tỉnh trong vùng, trên địa bàn có 16 công ty lâm nghiệp, rừng sản xuất tự nhiên giao cho các công ty là 92.645ha (bình quân 5.790ha/Cty), trong đó diện tích đưa vào điều chế khai thác là 8.021ha (chiếm 8,65% diện tích rừng tự nhiên sản xuất được giao); sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng năm 2010: 223.882m³ (bình quân 13.992m³/cty). Qua số liệu thấy rằng khu vực này, các công ty lâm nghiệp đang được giao quản lý diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên lớn, nhưng diện tích được khai thác gỗ theo phương án điều chế nhỏ. Công ty có sản lượng khai thác gỗ rừng tự nhiên; những công ty có sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng đang ổn định và phát triển, một số công ty đã điều hòa nguồn thu từ khai thác rừng trồng để chi cho việc quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên được giao.

- Vùng Tây Nguyên: Có 5 tỉnh trong vùng, trên địa bàn có 56 công ty lâm nghiệp, rừng sản xuất tự nhiên giao cho các công ty là 674.004ha (bình quân 12.035ha/Cty), tỉnh Lâm Đồng có diện tích bình quân giao cho công ty lâm nghiệp cao: 19.436ha/cty, đơn vị được giao rừng tự nhiên sản xuất cao nhất ở Tây Nguyên là Công ty Lâm nghiệp Kon Plông: 46.343ha, trong đó diện tích đưa vào điều chế khai thác là 29.393ha (chiếm 4,36% diện tích

rừng tự nhiên sản xuất được giao); sản lượng khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng năm 2010: 59.269m³ lại chủ yếu thuộc 5 công ty (3 của Gia Lai và 2 của Đắk Lắk chiếm 58.281m³). Qua số liệu thấy rằng khu vực này, các công ty lâm nghiệp đang được giao quản lý diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên rất lớn, nhưng diện tích được khai thác gỗ theo phương án điều chế nhỏ. Có 51/56 công ty (chiếm 91%) không có nguồn thu từ rừng trồng. Đây là khu vực đến nay nguồn thu chủ yếu vẫn là từ khai thác tiêu thụ gỗ rừng tự nhiên, khi cơ chế khai thác chặt chặt thì đây là khu vực khó khăn nhất.

3.2. Những tồn tại, khó khăn chủ yếu

3.2.1. Sắp xếp, chuyển đổi và thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh

Việc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi các lâm trường quốc doanh diễn ra lúng túng và hình thức, thực chất đến nay các lâm trường qua các lần chuyển đổi mới chỉ là đổi tên doanh nghiệp, những tồn tại trước khi chuyển đổi phần lớn vẫn chưa được giải quyết. Các công ty lâm nghiệp, trên thực tế, chưa được thực hiện quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, được Nhà nước giao quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn, nhưng quyền sử dụng rừng và đất rừng bị hạn chế nhiều mặt, nên công ty không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của một chủ rừng và một doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.2.2. Về đất rừng xuất nối chung và đất rừng tự nhiên sản xuất nối riêng

- Qua các lần chuyển đổi đất đai và tài sản rừng trên đất, hầu hết chưa được rà soát, đo đạc, cắm mốc và lập bản đồ địa chính, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, xâm hại rừng vẫn xảy ra nhưng chưa được giải quyết. Quyền sử dụng đất đai không rõ ràng dẫn đến quyền và nghĩa vụ của các công ty đối với đất đai thuộc phạm vi quản lý không rõ ràng, không tạo động lực phát triển. Việc rà soát và xác

định rõ diện tích, ranh giới, trạng thái các loại rừng trên bản đồ và thực địa; xác định giá trị quyền sử dụng đối với rừng sản xuất tự nhiên và giá trị quyền sở hữu rừng trồng để làm cơ sở xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới và phát triển chưa được thực hiện dẫn đến lúng túng, vướng mắc. Diện tích đất quy hoạch giao cho các công ty thường xuyên bị áp lực thu hồi vì các lý do như trồng cao su và cây công nghiệp, định canh định cư và các nhu cầu dân sinh - kinh tế - xã hội khác của địa phương.

- Chưa thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thu tiền thuê đất đối với diện tích đất rừng sản xuất đã giao cho các công ty lâm nghiệp theo quy định của Luật Đất đai; chưa thực hiện giao rừng có thu tiền sử dụng rừng hoặc thu tiền thuê rừng đối với diện tích rừng sản xuất đã giao cho các công ty lâm nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

3.2.3. Đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất có sản lượng khai thác được xác định trong phương án điều chế rừng hoặc quản lý rừng bền vững được duyệt

- Chỉ tiêu khai thác phụ thuộc vào tổng hạn mức khai thác hàng năm của Chính phủ. Khi đã được giao chỉ tiêu khai thác hàng năm trên cơ sở tổng hạn mức được Chính phủ giao, một số tỉnh còn quy định phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh rồi mới được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch khai thác (Đắk Lắk, Đắk Nông, Sơn La). Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo phân bổ chỉ tiêu khai thác trên cơ sở đề xuất của địa phương, trong tổng hạn mức được Chính phủ giao vào cuối năm; nhiều địa phương do triển khai không kịp thời, gặp thời tiết bất lợi nên chỉ tiêu khai thác ít nhưng cũng không hoàn thành có nơi không thực hiện;

- Việc tổ chức khai thác, tiêu thụ và sử dụng tiền bán gỗ thu được hiện đang có hai phương thức sau:

+ Phương thức thứ nhất: Công ty lâm nghiệp (Chủ rừng) tổ chức khai thác rừng theo thiết kế được duyệt; bán gỗ theo hình thức đấu giá trên cơ sở mức giá sàn do tỉnh quy định; tiền thu được sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý và thu nộp theo quy định, còn lại được để lại công ty để sử dụng vào việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đây là hình thức phổ biến hiện nay (Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Sơn La, Nghệ An, Lào Cai, Quảng Bình, Bình Định, Bình Thuận...).

+ Phương thức thứ hai: Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, tỉnh lựa chọn đơn vị khai thác có đủ điều kiện thông qua đấu thầu khai thác; gỗ khai thác được tính tổ chức bán đấu giá; tiền bán gỗ thu được sau khi trừ chi phí khai thác và phục vụ khai thác, nộp thuế tài nguyên, còn lại nộp vào ngân sách tỉnh, việc sử dụng do tỉnh quyết định (Lâm Đồng). Cá biệt có địa phương như tỉnh Gia Lai: Tỉnh duyệt giá theo sản lượng thiết kế và tổ chức đấu thầu cây đứng, đơn vị trúng thầu tổ chức khai thác, tiêu thụ và nộp tiền cho ngân sách tỉnh theo giá trúng thầu.

Với phương thức thứ hai, các công ty lâm nghiệp hầu như không có quyền lợi trực tiếp gắn với trách nhiệm được giao, nên việc sử dụng rừng gắn với trách nhiệm quản lý rừng kém hiệu quả.

- Phần lớn các công ty lâm nghiệp có rừng sản xuất tự nhiên thuộc đối tượng khai thác đã xây dựng phương án điều chế rừng, chưa xây dựng dự án đầu tư, phương án quản lý, bảo vệ và sản xuất, kinh doanh rừng tự nhiên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Hầu như các công ty lâm nghiệp được giao quản lý rừng tự nhiên tổ chức tự bảo vệ rừng thông qua việc thành lập các trạm bảo vệ rừng trong lâm phận hoặc phân công lực lượng lao động trong công ty chịu trách nhiệm tuần tra bảo vệ một diện tích rừng nhất định, diện tích

rừng tự nhiên giao khoán cho cộng đồng, hộ dân trên địa bàn bảo vệ chiếm tỷ lệ rất nhỏ do không có kinh phí.

- Rừng nghèo kiệt cần khoanh nuôi bảo vệ không có nguồn kinh phí đảm bảo; rừng phòng hộ đan xen được cấp kinh phí không đáp ứng yêu cầu quản lý bảo vệ.

- Thực hiện chỉ thị số 3609/BNN-TCLN ngày 07/12/2011 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai công tác bảo vệ rừng năm 2012 thì năm 2012 chỉ cấp phép khai thác chính rừng sản xuất tự nhiên cho những đơn vị có phương án quản lý rừng bền vững được duyệt. Hiện nay, vùng Tây Nguyên chỉ có 7/56 công ty lâm nghiệp được cấp phép khai thác năm 2012, như vậy tình hình khó khăn của các công ty lại càng gay gắt hơn.

3.2.4. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều công ty lâm nghiệp hầu như chỉ tập trung vào công tác quản lý, bảo vệ rừng như một đơn vị sự nghiệp, một số công ty được giao chỉ tiêu khai thác chính, tận thu, tận dụng gỗ tại các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

- Tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn, không đầu tư mở rộng, phát triển được sản xuất, thiếu vốn lưu động, nguồn thu để chi cho các hoạt động hàng năm chủ yếu dựa vào khai thác tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên và nguồn kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh để thực hiện công tác bảo vệ rừng. Việc chuyển đổi hoặc mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực khác cũng rất khó khăn (như xây dựng dân dụng, khai thác khoáng sản...) vì liên quan đến nhiều yếu tố nhân lực, quản trị, vốn, công nghệ... và nhất là không kế thừa được mặt mạnh trước đây của công ty. Mặt khác, các công ty lâm nghiệp nằm trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, kinh tế chưa phát triển nên rất khó để đơn vị mở rộng ngành nghề kinh doanh.

3.2.5. Chính sách hưởng lợi từ rừng

- Thiếu chính sách quy định cụ thể về hưởng lợi từ rừng tự nhiên đối với tổ chức được giao quản lý loại rừng này là công ty lâm nghiệp (Chính sách hưởng lợi từ rừng được quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân).

- Người nhận khoán bảo vệ rừng tự nhiên với thời gian khác nhau, nhưng cơ chế chia sẻ lợi ích từ rừng lại chưa rõ, chưa cụ thể, chủ yếu quy định trong trường hợp người nhận khoán ổn định lâu dài. Nếu người nhận khoán rừng trong các công ty lâm nghiệp vi phạm về rừng thì xử lý như thế nào cũng chưa có quy định rõ.

3.2.6. Tài chính và đầu tư

- Các công ty lâm nghiệp chủ yếu thuộc doanh nghiệp nhỏ, xét cả về tiêu chí lao động và vốn (dưới 200 người, tổng nguồn vốn dưới 20 tỷ đồng) theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phần lớn các Công ty lâm nghiệp sau chuyển đổi có số vốn rất thấp, chỉ đáp ứng 40-50% vốn điều lệ theo quy định (tối thiểu 30 tỷ VNĐ) trong khi đó tỷ lệ vốn cấp từ chủ sở hữu là Nhà nước không được bổ sung.

- Đầu tư chế biến gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu; tham gia thị trường đơn điệu (chủ yếu là dăm, gỗ xẻ và nguyên liệu giấy); tham gia thị trường xuất khẩu còn hạn chế;

- Hầu như các công ty lâm nghiệp không được vay vốn tín dụng ưu đãi để trồng rừng, vì không đáp ứng được một số điều kiện khắt khe để vay vốn, như phải xây dựng dự án trồng rừng, diện tích đất trồng rừng phải được cấp sổ đỏ, thế chấp tài sản, trả tiền lãi hàng năm mặc dù chưa có sản phẩm... Một số công ty vốn đầu tư trồng rừng dựa vào nguồn vốn vay từ ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam. Tuy nhiên, do chu kỳ đầu tư dài, rủi ro cao nên ngân hàng

cho vay rất khắt khe, hạn mức cho vay thấp, trả lãi ngay sau khi vay và phải có phần vốn đối ứng. Vì vậy, tốc độ phát triển rừng trồng kinh doanh chậm (đặc biệt là Tây Bắc và Tây nguyên) đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh chung của các công ty lâm nghiệp.

- Rừng phòng hộ, đặc dụng ngân sách Nhà nước không đảm bảo và đáp ứng kinh phí để đầu tư và quản lý bảo vệ theo quy định. Rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt, rừng đang trong thời kỳ nuôi dưỡng, phục hồi chưa được phép khai thác gỗ, không được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để quản lý, bảo vệ theo cơ chế như đối với rừng phòng hộ.

Tình hình tài chính và đầu tư nêu trên đặt nhiều công ty lâm nghiệp vào tình thế khó khăn, lúng túng kéo dài, thậm chí có một số công ty phải tính đến việc phá sản.

3.2.7. Chính sách thuế tài nguyên

- Thuế suất sản phẩm khai thác chính gỗ từ rừng tự nhiên ở mức từ 10-35% là quá cao, không hợp lý, bởi vì rừng là tài nguyên có tái tạo, phải có đầu tư duy trì và bảo vệ thường xuyên (trong khi đó các loại tài nguyên khoáng sản khác ở mức từ 5-25%, hải sản tự nhiên từ 1-10%). Tình hình này đã đẩy giá gỗ trên thị trường lên rất cao dẫn đến khai thác và vận chuyển lâm sản bất hợp pháp để trốn, lậu thuế tăng, làm cho tình hình quản lý bảo vệ rừng rất phức tạp, sản xuất kinh doanh của các công ty lâm nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, do chưa có chính sách quy định thuế tài nguyên rừng được đầu tư lại rừng, nên việc sử dụng tiền thuế tài nguyên không thống nhất, nhiều địa phương sử dụng vào mục đích khác mà không đầu tư vào bảo vệ và phát triển rừng.

3.2.8. Tổ chức, bộ máy và nguồn nhân lực

- Phần lớn các công ty lâm nghiệp đang tồn tại bộ máy quản lý của thời kỳ đầu chuyển đổi, chưa thích ứng với cơ chế thị trường. Thiếu cơ chế, chính sách về ưu tiên, đãi ngộ và hỗ trợ đối với đội ngũ những người làm lâm nghiệp, nhất là ở cơ sở.

- Do áp lực về bảo hiểm xã hội cho người lao động và phương án sản xuất kinh doanh không rõ ràng. Các công ty lâm nghiệp đã giảm đến mức tối đa về lao động quản lý và hợp đồng không xác định thời hạn (bình quân 1 đơn vị hiện nay có 24 lao động). Việc tuyển dụng bổ sung rất hạn chế, công tác bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực ít được quan tâm. Từ thực trạng đó dẫn đến tình hình là nguồn nhân lực tại các công ty hiện nay vừa yếu, vừa thiếu.

- Việc chuyển đổi hoặc mở rộng ngành, nghề kinh doanh sang lĩnh vực khác cũng rất khó khăn (như xây dựng dân dụng, khai thác khoáng sản, dịch vụ...) vì liên quan đến nhiều yếu tố nhân lực, quản trị, vốn, công nghệ.. và nhất là không kế thừa được mặt mạnh trước đây của công ty. Mặt khác, các công ty lâm nghiệp nằm trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, kinh tế chưa phát triển nên rất khó để đơn vị mở rộng ngành, nghề kinh doanh.

3.3. Một số đề xuất

3.3.1. Về mô hình tổ chức quản lý

Phương án 1: Mỗi tỉnh thành lập 01 Công ty lâm nghiệp trực thuộc UBND tỉnh. Trực thuộc công ty lâm nghiệp có các phân trường theo địa giới hành chính huyện. Mỗi phân trường có các tiểu khu theo địa giới hành chính xã.

Công ty lâm nghiệp được thành lập các cơ sở chế biến lâm sản, thực hiện thương mại (xưởng, xí nghiệp hoặc các công ty con).

Công ty lâm nghiệp có rừng phòng hộ và đặc dụng được Nhà nước đặt hàng để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng thông qua ban quản lý trực thuộc công ty.

Công ty lâm nghiệp được thành lập các đơn vị cung cấp các dịch vụ như các: trung tâm khuyến lâm, trung tâm hay xí nghiệp điều tra, thiết kế quy hoạch rừng, xí nghiệp khai thác, vận chuyển lâm sản.

Phương án 2: Chuyển các công ty lâm nghiệp quản lý rừng tự nhiên thành các ban

quản lý rừng (đơn vị sự nghiệp công lập có thu). Trong đó hoạt động công ích (bao gồm: quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng sản xuất tự nhiên nghèo; dịch vụ công ích và xã hội khác do Nhà nước đặt hàng) được Nhà nước giao dự toán và cấp kinh phí thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Hoạt động “có thu” của ban quản lý được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao (mô hình này trong nước hiện đang có ở Thanh Hóa và Đồng Nai).

3.3.2. Về cơ chế, chính sách

- Đối với chức năng kinh doanh: Công ty lâm nghiệp nhà nước được thực hiện đầy đủ về quyền và trách nhiệm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành luật này;

- Được quyền chủ động tổ chức và chịu trách nhiệm đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp (tạo rừng, khai thác, chế biến, tiêu thụ lâm sản...) trên diện tích rừng và đất được giao, được thuê theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh và theo cơ chế thị trường có sự hỗ trợ cần thiết và có điều kiện của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ công ích theo kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước và có đảm bảo kinh phí của nhà nước để thực hiện nhiệm vụ công ích theo kế hoạch hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Được dùng các lợi thế của công ty (về đất đai, vốn, kỹ thuật, thị trường, v.v...) để liên doanh, liên kết gây trồng rừng, kết hợp sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và làm dịch vụ cho các thành phần kinh tế trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Được tự chủ tài chính theo hướng nguồn thu từ khai thác lâm sản, dịch vụ môi trường rừng (dịch vụ điều tiết nước, bảo vệ đất, kinh doanh cảnh quan rừng, hấp thụ và lưu giữ các bon...), một số khoản thuế phải nộp được cấp lại cho công ty để đầu tư vào việc bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có nhiệm vụ bảo vệ, nuôi dưỡng rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt.

- Các công ty lâm nghiệp có phương án đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng mở rộng hợp tác và đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh rừng; chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ khai thác, chế biến gỗ rừng tự nhiên sang kinh doanh gỗ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ và dịch vụ.

IV. KẾT LUẬN

Lâm trường quốc doanh sau sắp xếp chuyển đổi đã bước vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên, đến nay những đơn vị khó khăn nhất chính là các công ty lâm nghiệp được giao giữ rừng tự nhiên chủ yếu là nghèo kiệt. Các cơ chế, chính sách để đầu tư, quản lý bảo vệ loại rừng này là bất cập và vướng mắc; các giải pháp đề ra thiếu tính khả thi dẫn đến tình trạng rừng đã nghèo nhưng đang tiếp tục bị suy thoái cả về diện tích, chất lượng và tính đa dạng sinh học. Nếu những bất cập, vướng mắc về cơ chế, chính sách nói trên được sửa đổi, bổ sung điều chỉnh kịp thời, đồng bộ thì chắc chắn đối tượng rừng sản xuất tự nhiên và đặc biệt là loại rừng tự nhiên nghèo kiệt sẽ được quản lý, bảo vệ và

phát triển ổn định, hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Artemiev, I. (2003) *Cải cách lâm trường quốc doanh ở Việt Nam Mở ra tiềm năng trồng rừng cho mục đích thương mại. Tài liệu kỹ thuật. EARSD - Cơ quan phát triển nông thôn và tài nguyên thiên nhiên khu vực Đông Á và Thái Bình Dương*. Ngân hàng thế giới. Việt Nam.

2. ADB, (2000) *Nghiên cứu chính sách và khung thể chế bảo vệ tài nguyên rừng. Ngân hàng phát triển châu Á*, TA No. 3255 – VIE. Ban Tư vấn nông nghiệp. Rome, Italy và Hà Nội, Việt Nam.

3. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp*.

4. Chính phủ (2004), *Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh*.

5. Chính phủ (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*.

6. Chính phủ (2014), *Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp*.

Các Website

7. Cục Kiểm lâm, *Tổng hợp số liệu diễn biến rừng*. Có tại:

<http://www.kiemlam.org.vn/Desktop.aspx/List/So-lieu-dien-bien-rung-hang-nam/>

8. EASRD, (2005), *Cải cách lâm trường quốc doanh ở Việt Nam*. Có tại:

http://siteresources.worldbank.org/INTVIETNAM/Resources/vn_sf_report_en.pdf

9. RECOFTC, (2011) *Cải cách lâm nghiệp ở Việt Nam*. Có tại: <http://www.recoftc.org/site/Vietnam-s-Forestry-Reforms>

**MECHANISMS, POLICIES FOR THE FORESTRY COMPANIES
MANAGING THE NATURAL PRODUCTION FOREST
CURRENT SITUATION AND ORIENTATION**

Nguyen Van Hop, Vu Ngoc Chuan

SUMMARY

Currently, there are 170 state forestry companies sorted to convert under Decree No. 200/2004 of the Government dated 03/12/2004. The State has issued several mechanisms and policies to improve the performance of forestry companies. The newest policy is the Decision No. 118/2014-NĐ-CP dated 17/12/2014. However, these mechanisms and policies are inadequate and problematic, especially for the forestry companies which are assigned to manage natural forests. Therefore, to manage, protect and develop forest sustainably to enhance operational efficiency for forestry companies, the shortcomings and problems of mechanisms and policies mentioned above need to be amended, supplemented and adjusted timely and synchronously./.

Keywords: *Forestry company, mechanisms and policies, natural production forests.*

Người phản biện : PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn
Ngày nhận bài : 14/4/2015
Ngày phản biện : 25/5/2015
Ngày quyết định đăng : 09/6/2015